CẤU TRÚC TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN VIẾT LUẬN NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIẾT HỌC THUẬT CHO HỌC VIÊN CAO HỌC TẠI HỌC VIỆN KỸ THUẬT QUÂN SỰ

BÙI THỊ HỒNG NHUNG
Khoa Ngoại ngữ, Học viện Kỹ thuật quân sự

Nhận bài ngày 04/4/2025. Sửa chữa xong 10/4/2025. Duyệt đăng 10/5/2025.

Abstract

In the first part of a previously published study, the author demonstrated the clear effectiveness of a writing guide in improving academic writing skills among postgraduate students at the Military Technical Academy. Statistically significant progress was observed in task fulfillment, idea development and cohesion, vocabulary usage, and academic grammar. Building on those findings, this article explores the structure and design principles of the writing guide based on a scaffolding approach. The guide aims to systematically support learners in developing academic writing competence from language awareness to argument construction while bridging gaps in social knowledge and critical reasoning.

Keywords: *Writing guide, academic writing, scaffolding, English essay writing, VSTEP, postgraduate education.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục đại học tại Việt Nam, kỹ năng viết học thuật ngày càng giữ vai trò then chốt trong việc đáp ứng chuẩn đầu ra, phát triển tư duy nghiên cứu và nâng cao khả năng giao tiếp về học thuật và tăng cơ hội việc làm. Tuy nhiên, dạy và học kỹ năng viết, đặc biệt là viết luận vẫn còn nhiều thách thức do mô hình giảng dạy truyền thống còn phổ biến, thiếu thực hành, thiếu phản hồi và phương pháp tiếp cận chưa toàn diện. Nhiều nghiên cứu trong nước cho thấy sinh viên (SV) thường thiếu động lực học viết, không tự tin khi viết luận và gặp trở ngại trong việc phát triển lập luận, tổ chức ý và sử dụng ngôn ngữ học thuật. Các yếu tố như sĩ số lớp lớn, phương pháp dạy thiên về lý thuyết, và phong cách học đối phó theo hướng ôn thi cũng làm hạn chế hiệu quả giảng dạy [4], [5], [6]. Bên cạnh đó, khả năng phản biện và tư duy sáng tạo của SV còn yếu, phần lớn do thiếu trải nghiệm thực tiễn và kiến thức nền về xã hội. Do đó, nhiều SV không thể phát triển bài viết logic, mạch lạc và đủ tính thuyết phục. Việc phản hồi bài viết cũng gặp hạn chế, khi hoạt động đánh giá đồng đẳng thường kém hiệu quả vì sự chênh lệch trình độ và thiếu kỹ năng phản biện. Từ thực tiễn đó, nhu cầu tích hợp một công cụ hỗ trợ như tài liệu hướng dẫn viết vào quá trình giảng dạy là điều cấp thiết. Tài liệu này cần đóng vai trò cung cấp kiến thức ngôn ngữ và xã hội nền tảng, đồng thời tạo điều kiện cho người học chủ động luyện tập trước khi thực hành viết trong lớp, đặc biệt trong điều kiện giảng dạy đông người và thời lượng hạn chế như hiện nay.

2. Dạy và học kỹ năng viết theo định dạng VSTEP cho học viên dự khóa cao học tại Học viện Kỹ thuật quân sự

2.1. Hoạt động dạy

Viết thư và bài luận theo định dạng VSTEP đã được tích hợp vào chương trình giảng dạy Tiếng Anh cho học viên (HV) cao học tại Học viện Kỹ thuật quân sự (KTQS) từ năm 2021 như một yêu cầu đầu vào và mục tiêu đào tạo. Kỹ năng viết học thuật không chỉ cần thiết để vượt qua kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển khả năng viết học thuật và nghiên cứu

Email: nhungbui.orebro@gmail.com

sau đại học. Tuy nhiên, dạy và học kỹ năng viết học thuật theo định dạng VSTEP còn gặp nhiều hạn chế. Thời lượng dành cho kỹ năng viết trong tổng số 120 tiết học chỉ chiếm khoảng 15 tiết và không được ưu tiên bằng kỹ năng nghe - đọc do sĩ số lớp đông (trên 40 HV/lớp), trình độ không đồng đều và yêu cầu phản hồi nhanh chỉ có thể thực hiện với hai kỹ năng thu nhận. Việc thực hành viết thường dừng lại ở mức giao bài, cung cấp bài mẫu và hướng dẫn HV tự làm ở nhà; trong khi hoạt động sửa bài, phản hồi hoặc đánh giá đồng đẳng hầu như không triển khai được do điều kiện lớp học sĩ số lớn và kỹ năng làm việc nhóm còn hạn chế. Mặc dù chương trình có thể đảm bảo cung cấp kiến thức ngữ pháp và từ vựng cơ bản nhưng việc phát triển kỹ năng viết học thuật theo hướng tư duy lập luận, diễn đạt mạch lạc và phù hợp tiêu chí đánh giá VSTEP vẫn còn nhiều trở ngại. Trong bối cảnh việc tăng thời lượng hay chia nhỏ lớp học là không khả thi, cần thiết phải có các giải pháp hỗ trợ bổ sung. Một tài liệu hướng dẫn viết được thiết kế theo lộ trình từng bước (scaffolding) có thể giúp HV tự học hiệu quả hơn, củng cố kiến thức nền và tạo điều kiện để tối ưu hóa thời gian thực hành viết trên lớp.

2.2. Khó khăn khi học viết học thuật theo định dạng VSTEP

Viết là một kỹ năng sản sinh phức tạp, thường được học sau cùng và đòi hỏi người học không chỉ có kiến thức ngôn ngữ mà còn cần tư duy tổ chức, hiểu biết xã hội và văn hóa. Nhiều nghiên cứu [1] và [10] đã chỉ ra rằng người học thường gặp khó khăn với ngữ pháp, dấu câu, tổ chức luận điểm và cách triển khai ý tưởng. Việc thiếu từ vựng học thuật và thói quen dịch từ ngôn ngữ mẹ đẻ sang tiếng Anh cũng ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng bài viết. Tại Học viện KTQS, khảo sát và quan sát giảng dạy cho thấy HV cao học gặp bốn nhóm vấn đề chính: 1) Thiếu ý tưởng và kiến thức nền về các chủ đề học thuật, nhiều HV không quen thuộc với các chủ đề như vũ khí, dân chủ hay thể thao mạo hiểm do thiếu trải nghiệm và hiểu biết xã hội; 2) Vấn đề về ngữ pháp và diễn đạt, HV thường mắc lỗi về thì, cấu trúc câu, liên kết đoạn và cách tổ chức văn bản (Hoàng & Nguyễn, 2024); 3) Hạn chế vốn từ vựng học thuật, đặc biệt ở các chủ đề mang tính xã hội, kỹ thuật và học thuật thường gặp trong đề thi VSTEP; 4) Thói quen tư duy và dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh dẫn đến lỗi cú pháp và diễn đạt thiếu tự nhiên, giảm tính học thuật của bài viết. Những trở ngại này xuất phát từ cả yếu tố khách quan (sĩ số lớn, thời lượng hạn chế) và yếu tố chủ quan (trình độ không đồng đều, thiếu thực hành viết). Do đó, việc xây dựng tài liệu hướng dẫn viết theo hướng tiếp cận hỗ trợ từng bước (scaffolding), kết hợp cung cấp kiến thức xã hội - ngôn ngữ và tạo điều kiện luyện tập viết có phản hồi là giải pháp cần thiết để cải thiện chất lượng kỹ năng viết học thuật cho HV.

3. Phát triển tài liệu hướng dẫn viết

3.1. Lý thuyết về xây dựng tài liệu hướng dẫn viết

Phát triển tài liệu giảng dạy là quá trình thiết kế, lựa chọn và điều chỉnh các nguồn học liệu nhằm hỗ trợ hiệu quả việc học ngôn ngữ. Tài liệu có thể bao gồm sách giáo khoa, tài nguyên số, phiếu bài tập, phương tiện nghe nhìn và các hoạt động tương tác. Lý thuyết này được định hình bởi nhiều phương pháp giảng dạy như dạy ngôn ngữ giao tiếp (CLT), học tập theo nhiệm vụ (task-based learning), tiếp cận theo chủ đề và lấy người học làm trung tâm. Theo Willis (1996), tài liệu cần định hướng giao tiếp, gắn với nhiệm vụ thực tế [9]. Tomlinson (1998) bổ sung rằng tài liệu hiệu quả phải phản ánh trải nghiệm của người học và cho phép kết nối ngôn ngữ với bối cảnh xác thực [8]. Richards (2015) nhấn mạnh sự liên kết giữa tài liệu và mục tiêu, tiêu chí đánh giá năng lực [7].

Về mặt thiết kế, có hai hướng tiếp cận chính: từ trên xuống - bắt đầu từ mục tiêu khóa học (Graves, 2000) [2] và từ dưới lên - xuất phát từ nhu cầu thực tế của người học (McGrath, 2002) [3], Dựa trên cơ sở lý thuyết này, đặc biệt là các nguyên tắc do Tomlinson (1998) đề xuất, nghiên cứu đã xây dựng tài liệu hướng dẫn viết theo các tiêu chí đảm bảo tính xác thực, hấp dẫn, tương tác và hỗ trợ phát triển ngôn ngữ toàn diện.



3.2. Mô hình hóa tài liệu hướng dẫn viết

Tài liệu hướng dẫn viết được cấu trúc thành ba phần:

Phần 1 - Reference Section cung cấp bài mẫu để người học phân tích cấu trúc, bố cục và cách triển khai luận điểm. Phần 2 - Lexical-Grammatical Section tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng nghe liên quan đến chủ đề bài viết. Việc chuyển đổi một bài luận có quan điểm mới so với bài luận mẫu trong phần 1 thành chuỗi hoạt động gồm bài nghe điền từ (gap-filling), bài nghe nhắc lại (repetition listening), sau đó là bài đọc tạo điều kiện tiếp cận đa kỹ năng. Cách tiếp cận này không chỉ giúp người học hứng thú hơn nhờ sự thay đổi hình thức tiếp nhận thông tin mà còn hỗ trợ ghi nhớ từ vựng và cấu trúc ngữ pháp lâu dài thông qua lặp lại và sử dụng trong ngữ cảnh cụ thể. Đồng thời, người học được tiếp cận với một quan điểm mới, góp phần mở rộng vốn ngôn ngữ và khả năng lập luận trong các tình huống viết học thuật. Phần 3 - Writing Practice Section giúp người học thực hành viết từ cấp độ câu, đoạn đến bài hoàn chỉnh.

Part 1: Reference section.

Exam tips:

1. Nếu đề bài yêu cầu bạn trình bày quan điểm, trong phần mở bài bạn cần nêu rõ quan điểm đó và trong phần kết luận – lặp lại quan điểm ấy bằng cách diễn đạt khác.

2. Phần thân bài nên bao gồm các lập luận ủng hộ quan điểm của bạn, mỗi đoạn trình bày 1 luận điểm. Cũng nên đưa ra 1 hoặc 2 lập luận đối lập và giải thích vì sao bạn không đồng tình với chúng.

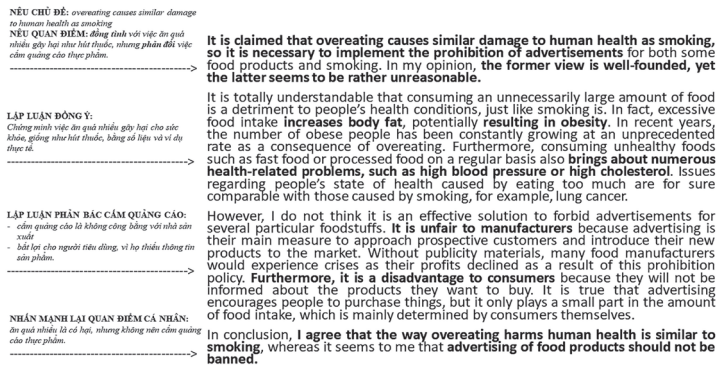
3. Văn phong trang trọng (không dùng ngôn ngữ đời thường, không viết tắt), rõ ràng, trung lập và không mang tính công kích. Ngay cả khi bạn có quan điểm rất mạnh mẽ về vấn đề đang viết, hãy tránh dùng ngôn từ cảm xúc hoặc dấu chấm than.

4. Phần kết luận không nên nêu luận điểm mới, vì sẽ khiến bài viết có cảm giác chưa hoàn chỉnh.

Opinion essay (Bài luận nêu quan điểm).

Đề bài: *Research has shown that overeating is as harmful as smoking. Therefore, the advertising of certain food products should be banned in the same way as the advertising of cigarettes is banned. Do you agree or disagree?*

SAMPLE



Part 2 - Lexical - grammatical section.

Vocabulary focus:

Bài 1: Listen and repeat (Nghe và nhắc lại).

Từ/cụm từ	Nghĩa	Ví dụ
At an unprecedented rate	Với tốc độ chưa từng có	Obesity has increased at an unprecedented rate in recent years (Tình trạng béo phì đã gia tăng với tốc độ chưa từng có trong những năm gần đây).
Cause/bring about numerous health-related problems	Gây ra nhiều vấn đề liên quan đến sức khỏe	Eating too much fast food can bring about numerous health-related problems like obesity and diabetes (Ăn quá nhiều đồ ăn nhanh có thể gây ra nhiều vấn đề sức khỏe như béo phì và tiểu đường).
Detriment to health	Sự gây hại cho sức khỏe	Smoking is a major detriment to health and should be avoided (Hút thuốc là một mối nguy hại lớn đối với sức khỏe và nên tránh).
Excessive food intake	Lượng đồ ăn quá nhiều	Excessive food intake can lead to weight gain and health problems. (Ăn quá nhiều có thể dẫn đến tăng cân và các vấn đề sức khỏe).
High blood pressure /high cholesterol	Huyết áp cao/ mỡ máu cao	My uncle has high blood pressure and needs to take medicine every day (Bác tôi bị huyết áp cao và phải uống thuốc mỗi ngày).

Implement the prohibition	Thực hiện lệnh cấm	The government decided to implement the prohibition on smoking in public places (Chính phủ đã quyết định thực hiện lệnh cấm hút thuốc nơi công cộng).
On a regular basis	Một cách thường xuyên	It is important to exercise on a regular basis to stay healthy (Tập thể dục thường xuyên là điều quan trọng để giữ gìn sức khỏe).

Bài 2: Complete the gaps with the given words/phrases (Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống trong mỗi câu sau. Có thể thay đổi hình thái từ nếu cần).

at an unprecedented rate	*excessive food intake*	*implement the prohibition*	*well-founded*	*on a regular basis*	*publicity materials*

1. The government plans to _____ on advertising sugary drinks.
2. Obesity among children has increased _____ in recent years.
3. Students are encouraged to read academic texts _____ to improve their vocabulary.
4. His argument was _____ and supported by solid evidence.
5. _____ is one of the main causes of lifestyle-related diseases.
6. The company distributed attractive _____ to promote their new product.

Grammar focus:

Bài 1: Passive voice - Rewrite the sentences.

1. Governments regulate food advertisements strictly. → _____

Answer: Food advertisements are strictly regulated by governments.

2. The company will launch a new product next month. → _____

Answer: A new product will be launched by the company next month.

Bài 2: Modal verbs - Choose the correct modal verbs.

1. Students _____ be affected by unhealthy advertising. (can / must / may) → Answer: may

2. Governments _____ take action to control food marketing to children.→Answer: should (should / might / could).

Bài 3: Linking words - Choose the correct linking word.

1. _____, limiting fast food ads can help reduce childhood obesity. (furthermore/although/unless)→*Answer:* Furthermore

2. Some people believe advertisements should be banned. _____, others think it's a matter of consumer choice (Meanwhile/On the other hand/Because)→Answer: B. *On the other hand*

Part 3 - Writing practice section

Bài 1: Listen and fill in the gaps (mục đích: để người học thu nhận thêm từ vựng mới).

Smoking is widely recognized as one of the leading causes of preventable diseases and premature death worldwide. In light of its detrimental health effects, I strongly agree that advertising tobacco products should be completely banned. This measure is crucial to protect public health, especially among young and _____ (1) audiences.

One of the main reasons smoking advertisements should be prohibited is their powerful influence on consumer behavior, particularly among adolescents. These ads often _____ (2) smoking by associating it with attractiveness, success, or a carefree lifestyle. As a result, they can _____ (3) young people into believing that smoking is socially desirable or harmless. For instance, numerous studies have shown that teenagers exposed to tobacco advertisements are significantly more likely to become _____ (4) than those who are not. A total advertising ban would help reduce this exposure and curb the rising number of youth smokers.

Furthermore, banning smoking advertisements is a necessary step in _____ (5) public health. Tobacco consumption is directly linked to life-threatening conditions such as lung cancer, heart disease, and respiratory illnesses. Allowing companies to promote such a harmful product _____ (6) the efforts of governments and healthcare systems to improve citizens' well-being. Countries like Australia and Norway have already _____ (7) comprehensive bans on tobacco advertising, resulting in notable declines in smoking rates. Therefore, enforcing a similar policy globally would be both effective and morally _____ (8).

In conclusion, I firmly believe that advertising smoking should be banned entirely. Such a policy is vital to prevent youth addiction and to align national advertising practices with the goal of protecting public health. The _____ (9) of a product known to kill should have no place in modern _____ (10) or society.

Bài 2: Listen with tapescript and repeat. Then underline key words/ structures (mục đích: Để người học nghe lại với bản ghi và nhắc lại; học từ/cấu trúc mới).

Smoking is widely recognized as one of the leading causes of preventable diseases and premature death worldwide. In light of its detrimental health effects, I strongly agree that advertising tobacco products should be completely banned. This measure is crucial to protect public health, especially among young and impressionable audiences.

One of the main reasons smoking advertisements should be prohibited is their powerful influence on consumer behavior, particularly among adolescents. These ads often glamorize smoking by associating it with attractiveness, success, or a carefree lifestyle. As a result, they can mislead young people into believing that smoking is socially desirable or harmless. For instance, numerous studies have shown that teenagers exposed to tobacco advertisements are significantly more likely to become smokers than those who are not. A total advertising ban would help reduce this exposure and curb the rising number of youth smokers.

Furthermore, banning smoking advertisements is a necessary step in safeguarding public health. Tobacco consumption is directly linked to life-threatening conditions such as lung cancer, heart disease, and respiratory illnesses. Allowing companies to promote such a harmful product contradicts the efforts of governments and healthcare systems to improve citizens' well-being. Countries like Australia and Norway have already implemented comprehensive bans on tobacco advertising, resulting in notable declines in smoking rates. Therefore, enforcing a similar policy globally would be both effective and morally justified.

In conclusion, I firmly believe that advertising smoking should be banned entirely. Such a policy is vital to prevent youth addiction and to align national advertising practices with the goal of protecting public health. The promotion of a product known to kill should have no place in modern media or society.

Bài 3: Đọc lại bài luận trên và trả lời câu hỏi (mục đích: để người học nhận diện cấu trúc, nội dung, ý tưởng mới so với bài mẫu 1).

1. What is the main idea of the essay? → Answer: C
- **A. Smoking is not dangerous**
- **B. Advertising should be allowed for all products**
- **C. Smoking advertisements should be completely banned**

2. What audience is most affected by tobacco advertisements, according to the speaker? → Answer: B
- **A. Middle-aged adults**
- **B. Teenagers and young people**
- **C. Smokers in developing countries**

3. What type of essay is this? → Answer: B
- **A. Discussion**
- **B. Opinion**
- **C. Problem-solution**

4. Which disease is mentioned as being directly linked to smoking? → Answer: B
- **A. Diabetes**
- **B. Lung cancer**
- **C. Stroke**

5. What example does the speaker give to support their argument in Body Paragraph 2?
→ Countries like Australia and Norway that banned smoking ads saw decreased smoking rates.

6. According to the speaker, what is the main problem with allowing tobacco ads?
- **A. They are expensive to produce**
- **B. They encourage healthy competition**
- **C. They mislead the public and normalize harmful habits**

→ Answer: C

Part 3 - Writing practice section

Bài 1: Hãy hoàn thành các câu sau, sử dụng từ gợi ý trong ngoặc (mục đích: luyện các cấu trúc chỉ Nguyên nhân - Kết quả/Cause and Effect Structures).

1. Smoking ads/glamorize/harmful behavior → young people/imitate (so).

Answer: Smoking ads glamorize harmful behavior, so young people tend to imitate what they see.

2. Many teenagers/start smoking/because/influenced/media images (because).

Answer: Many teenagers start smoking because they are influenced by images in the media.

3. Constant exposure/cigarette ads → normalization/smoking (lead to).

Constant exposure to cigarette ads leads to the normalization of smoking.

Bài 2: Viết đoạn mở bài khoảng 3 câu cho câu hỏi sau: *"Some people believe that advertisements for unhealthy food and tobacco should be banned as they negatively affect public health".*

Gợi ý: Đoạn mở bài khoảng 2 câu: 1) Paraphrase lại đề bài → 2) Nêu quan điểm cá nhân.

Paraphrasing tips:

1. Thay thế bằng từ đồng nghĩa (synonym)

Original	Paraphrased
advertisements	commercials / promotional content
unhealthy food	junk food / harmful food choices
tobacco	cigarettes / smoking products
banned	prohibited / restricted
negatively affect	pose a threat to / harm
public health	community well-being / general health

2. Thay đổi cấu trúc câu

Original: Some people believe that advertisements for *unhealthy* food and tobacco should be *banned*...

Paraphrased: There is a growing belief that the promotion of *harmful* food and tobacco products should be *restricted*...

3. Dùng mệnh đề gián tiếp và câu bị động

It is believed that advertisements promoting junk food and cigarettes may be harmful and therefore should be banned.

Phần câu trả lời luôn cung cấp cho người học 2 gợi ý, ở hai band điểm khác nhau. Ví dụ: *Some people think that advertising for junk food and cigarettes should be stopped because it is bad for people's health. I agree with this opinion because these kinds of advertisements can encourage unhealthy habits in many people. (Band 6+)* Và: *Many people argue that advertisements for products such as junk food and cigarettes should be banned due to their harmful effects on public health. I completely agree with this viewpoint, as such advertisements can promote unhealthy habits, especially among vulnerable groups like children and teenagers (Band 7+).*

Bài 3: Viết đoạn thân bài từ gợi ý (mục đích: Phát triển luận điểm từ gợi ý nội dung có sẵn).

Đề bài: Viết đoạn thân bài với câu chủ đề sau: *"Advertisements encourage children to eat unhealthy*

food, which may lead to obesity and other serious health issues". Yêu cầu: Viết một đoạn thân bài (5-6 câu) phát triển nội dung trên, sử dụng các cụm từ như: *at an unprecedented rate, bring about health-related problems, detriment to health, implement the prohibition, etc.*

Như phần trên, câu trả lời của bài này luôn gồm 2 gợi ý/đoạn văn mẫu, ở hai band điểm khác nhau.

Bài 4: Viết kết luận - Conclusion Paragraph.

Đề bài: Viết đoạn kết luận (3-4 câu), nhấn mạnh lại quan điểm cá nhân, có thể sử dụng các cụm từ như: in conclusion, well-founded, advertising of food products, should be strictly limited.

"Do you agree or disagree that advertisements for harmful products should be banned?".

Bài 5: Viết một bài luận mới cùng chủ đề nhưng khác nội dung (mục đích: Luyện viết tự do).

3. Kết luận

Kết quả thực nghiệm việc sử dụng tài liệu hướng dẫn viết trên 97 HV khóa tiếng Anh dự bị cao học khóa 36 tại Học viện KTQS cho thấy biện pháp can thiệp này đã mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc nâng cao kỹ năng viết của HV, đặc biệt ở bốn tiêu chí: đáp ứng yêu cầu của đề bài; phát triển và liên kết ý, sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp phức tạp. Tài liệu được thiết kế gồm ba phần: Phần 1 - Reference Section cung cấp bài mẫu giúp người học phân tích cấu trúc, bố cục và cách triển khai luận điểm; Phần 2 - Lexical-Grammatical Section đóng vai trò như một cầu nối giữa việc tiếp nhận đầu vào ngôn ngữ và thực hành kỹ năng, trong đó người học rèn luyện từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng nghe thông qua chuỗi hoạt động như nghe điền từ, nghe nhắc lại và đọc hiểu, tạo nên một tài liệu tự học tích hợp có cách tiếp cận đa kỹ năng. Đặc biệt, việc tiếp cận quan điểm mới trong phần luyện nghe, đọc giúp phát triển tư duy phản biện và khả năng lập luận; Phần 3 - Writing Practice Section giúp người học thực hành viết từ cấp độ câu, đoạn đến bài luận hoàn chỉnh, tạo điều kiện chuyển hóa đầu vào thành sản phẩm ngôn ngữ đầu ra. Từ kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định tài liệu hướng dẫn viết không chỉ là công cụ giảng dạy hiệu quả mà còn đặt nền tảng cho phương pháp tiếp cận mới trong dạy viết học thuật, theo hướng lớp học đảo ngược và lấy người học làm trung tâm. Tài liệu góp phần phát huy tính chủ động và năng lực tự học - những yếu tố thiết yếu trong giáo dục hiện đại. Việc mở rộng áp dụng tài liệu này cho SV bậc đại học hoặc mở rộng cho đối tượng HV dân sự là hoàn toàn khả thi. Đồng thời, cần tiếp tục nghiên cứu tác động lâu dài của tài liệu đến tư duy học thuật và hiệu quả viết của người học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy Tiếng Anh trong bối cảnh hội nhập.

Tài liệu tham khảo

[1] Cole, J. & Feng, J. (2015), *Effective Strategies for Improving Writing Skills of Elementary English Language Learners (tạm dịch: Các chiến lược hiệu quả nhằm nâng cao kỹ năng viết cho học sinh tiểu học học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai),* Chinese American Educational Research and Development Association Annual Conference (Hội nghị thường niên của Hiệp hội Nghiên cứu và Phát triển Giáo dục Mỹ gốc Hoa), Chicago.

[2] Graves, K. (2000), *Designing Language Courses: A Guide for Teachers (tạm dịch: Thiết kế các khóa học ngôn ngữ: Hướng dẫn dành cho giáo viên),* Heinle & Heinle.

[3] McGrath, I. (2002), *Materials Evaluation and Design for Language Teaching (tạm dịch: Đánh giá và thiết kế tài liệu giảng dạy ngôn ngữ).* Edinburgh University Press.

[4] Nguyễn Ngân Hà (2021), *Cải thiện năng lực viết bài luận tiếng Anh của sinh viên thông qua hướng tiếp cận dựa trên tiến trình,* Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Nước ngoài, tập 37 số 5, tr. 45-65.

[5] Nguyễn Thúy Lan (2019), *Dạy và học Tiếng Anh: ảnh hưởng từ bài thi chuẩn đầu ra (nghiên cứu trường hợp Đại học Quốc gia Hà Nội),* Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, chuyên ngành: Đo lường và đánh giá trong giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.

[6] Phạm Vũ Phi Hổ (2013), *Các hoạt động dạy và học môn Viết tại Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, số 29 (1), 50-69.

[7] Richards, J.C. (2015), *The Role of Material Development in Language Teaching (tạm dịch: Vai trò của việc phát triển tài liệu trong giảng dạy ngôn ngữ),* Language Teaching, 48(4), 422-441.

[8] Tomlinson, B. (1998), *Materials Development in Language Teaching (tạm dịch: Phát triển tài liệu trong giảng dạy ngôn ngữ),* Cambridge University Press.

[9] Willis, J. (1996), *A Framework for Task-Based Learning (tạm dịch: Khung lý thuyết cho dạy học dựa trên nhiệm vụ)*, Longman.

[10] Younes, Z.B. & Albalawi, F.S. (2015), *Exploring the most common types of writing problems among English language and translation major sophomore female students at Tabuk University (tạm dịch: Khám phá các loại lỗi viết phổ biến nhất ở sinh viên nữ năm hai chuyên ngành Ngôn ngữ Anh và Biên phiên dịch tại Đại học Tabuk)*, Asian Journal of Basic and Applied Sciences, 3(2), 7-26.